TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 298/2019/DS-ST
Ngày: 28-3-2019
V/v *Tranh chấp về người giám hộ*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Trần Thị Xuân Hải**

- Bà N**guyễn Thị Thanh Mai**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp người giám hộ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1076/2019/QĐST-DS ngày 12/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị M (Tạ Thị M1), sinh năm 1945

Địa chỉ: số A đường X phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1956 (có mặt)

Thường trú: số nhà B, đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: số nhà C đường X, khu phố N, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Tạ Năng V, Sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: D đường X, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1955, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2018) (có mặt)

Địa chỉ: số nhà A1, đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Tạ Xuân C, Sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A2 đường X, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Tạ Đức C1, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: X, P, TX 75052, USA.

4/ Bà Tạ Thị N1, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: X1, R, Y, NM 87018, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông C1, bà N1: Ông Tạ Xuân C. sinh năm 1955, địa chỉ: số Z đường X, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 6/2/2018, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/4/2018) (có mặt)

5/ Ông Tạ Quang K, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: F, S2, NE, Y, NM 87110, USA.

6/ Ông Tạ Trọng T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: F1, S3, NE, Y, NM 87111, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông K, bà T: Bà Tạ Thị N. sinh năm 1956, địa chỉ: số nhà C đường X, khu phố 5, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 2/5/2018, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 2/5/2018).

7/ Bà Trần Thị N2 (Mẹ), sinh năm 1925 (người mất năng lực hành vi dân sự)

Địa chỉ: Q, Đường số B, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Ông Tạ Mạnh P1 (Cha), sinh năm 1925 (Đã mất năm 1992)

9/ Bà Tạ Thị N3, sinh năm 1969 (Đã mất năm 1986)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/2/2017, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Tạ Thị M (M1) *trình bày:*

Cha của bà là ông Tạ Mạnh P1 sinh năm 1925, mất năm 1992, mẹ của bà là bà Trần Thị N2, sinh năm 1925. Năm 2016, bà N2 đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 492/2016/DSST ngày 24/5/2016. Cha mẹ bà sinh được 09 (chín) người con, hiện một người đã mất là bà Tạ Thị N3 (chết năm 1986), bà là chị cả, tuy nhiên khi bà làm thủ tục giám hộ đương nhiên

cho mẹ bà thì bị bà Tạ Thị N làm đơn ngăn chặn.

Từ trước đến nay, bà là người duy nhất trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc bà N2, chu đáo từng miếng ăn giấc ngủ cho bà N2. Ông C, ông C1, bà N1 có hỗ trợ về mặt tài chính cho bà M (M1) để cùng nhau nuôi dưỡng chăm sóc bà N2. Bà N không hề nuôi dưỡng chăm lo bà N2 một ngày nào, thỉnh thoảng chỉ đến thăm nom, mười phút rồi đi liền, không hề có chút tình cảm nào.

Vì vậy để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của bà N2, bà yêu cầu Tòa án giải quyết và chấp nhận cho bà làm người giám hộ cho bà N2.

Theo lời khai tại Tòa án biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Tạ Thị N trình bày:

Cha của bà là ông Tạ Mạnh P1 sinh năm 1925, mất năm 1992, mẹ của bà là bà Trần Thị N2, sinh năm 1925. Năm 2016, bà N2 đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 492/2016/DSST ngày 24/5/2016. Bà không đồng ý cho bà M nuôi dưỡng bà N2 bởi vì bà M không đủ sức khoẻ, bà M và ông C cấu kết chiếm đoạt tài sản của bà N2 trong một vụ án khác. Hiện nay, ông C đang thuê người khác nuôi bà N2 (có chứng thực ở phường) nên bà không an tâm theo Điều 53 Bộ luật dân sự 2015, người con cả không đủ điều kiện giám hộ thì người con tiếp theo là tôi đương nhiên được giám hộ theo quy định pháp luật. Bà yêu cầu Toà án chấp nhận cho bà được trực tiếp giám hộ bà N2.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Năng V – ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ông V thống nhất lời trình bày của Bà N về việc bà M không đủ tư cách giám hộ cho bà N2, vì bà M không đủ sức khoẻ, bà M và ông C cấu kết chiếm đoạt tài sản của bà N2 trong một vụ án khác; ông C không cho Bà N chăm sóc bà N2. Ngoài ra, bà M vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng của người giám hộ theo điểm a, điểm d khoản 1 Điều 57 Bộ luật dân sự 2015. Nên Ông V đồng ý cho Bà N giám hộ đương nhiên cho bà N2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tạ Xuân C trình bày:

Ông C không đồng ý cho bà N là người giám hộ đương nhiên cho bà N2, bởi vì: bà N không có sức khoẻ, bà N không có công ăn việc làm, không đủ kinh tế để chăm sóc nuôi dưỡng bà N2, từ trước đến nay bà N không chăm sóc, nuôi dưỡng bà N2. Ông đồng ý để bà M tiếp tục chăm sóc cho bà N2, bà M đủ điều kiện chăm sóc bà N2 và từ trước đến nay người trực tiếp chăm sóc bà N2 là bà M. Tôi không hề cấu kết với bất kỳ ai để nhằm chiếm đoạt tài sản của bà N2, căn cứ vào lời khai của bà N2 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Trọng T, ông Tạ Quang K – bà Tạ Thị N trình bày:

Ông T, ông K thống nhất lời trình bày của Bà N.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Đức C1, bà Tạ Thị N1 – ông Tạ Xuân C trình bày:

Ông C1, bà N1 thống nhất lời trình bày của ông C, đồng ý để cho bà M (M1) là người giám hộ cho bà N2.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Tạ Thị M (M1) vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết và chấp nhận cho bà làm người giám hộ cho bà N2.

Bị đơn bà Tạ Thị N không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên ý kiến phản bác được trực tiếp giám hộ cho bà N2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Năng V có ông Nguyễn Anh T đại diện vẫn giữ nguyên ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Xuân C vẫn giữ nguyên ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Trọng T, ông Tạ Quang K có bà Tạ Thị N đại diện vẫn giữ nguyên ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Đức C1, bà Tạ Thị N1 có ông Tạ Xuân C đại diện vẫn giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Ông Nguyễn Văn Hoàng, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

+ Về tố tụng: Qua việc kiểm tra việc giải quyết vụ án dân sự đã được Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 382/DSST ngày 30/3/2017, Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; việc thông báo thụ lý vụ án; về việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng; triệu tập đầy đủ các đương sự để tự khai, mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tuân thủ đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên toà đúng thời gian, địa điểm, thành phần đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các thủ tục tố tụng và nguyên tắc xét xử tại phiên

toà tuân thủ đúng luật định. Trong quá trình xét xử, chủ toạ phiên toà đã đảm bảo cho nguyên đơn, bị đơn được thực hiện quyền tranh tụng đầy đủ, được phát biểu trình bày quan điểm tranh luận.

- Về nội dung và các yêu cầu của đương sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tạ Thị M (M1) .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

- *Quan hệ tranh chấp*: Vụ kiện giữa bà Tạ Thị M (M1) với bà Tạ Thị N là Tranh chấp người giám hộ được quy định tại điều 48 Bộ Luật dân sự 2015.

- *Thẩm quyền giải quyết*: Bà Tạ Thị M (M1) khởi kiện tranh chấp người giám hộ với bà Tạ Thị N có nơi cư trú tại số A đường X phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*:

- *Xét việc giao nộp, tiếp cập, công khai chứng cứ*:

Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 28/3/2018, 11/9/2018, 25/9/2018, 12/3/2019 nguyên đơn, bị đơn có mặt và đã thực hiện việc công khai, giao nộp chứng cứ, và chứng cứ do Tòa án thu thập.

Các đương sự đã biết được chứng cứ của nhau và không có ai yêu cầu, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của đương sự giao nộp, các bên đương sự thừa nhận, không có ý kiến phản đối là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 6, Điều 91, 92, 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 26/3/2018 bị đơn bà Tạ Thị N có đơn phản tố, ngoài việc không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tạ Thị M về việc xác định nguyên đơn là người giám hộ cho mẹ của bà là bà Trần Thị N2, còn có yêu cầu tòa án chỉ định bị đơn

bà Tạ Thị N là người giám hộ cho bà Trần Thị N2. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý để xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Tại bản án số 492/2016/DSST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bà Trần Thị N2 mất năng lực hành vi dân sự.

Xét thấy, trong một quá trình dài khi bà Trần Thị N2 lớn tuổi và mất sức lao động đều sinh sống chung với bà M (M1), tất cả mọi sinh hoạt hàng ngày của bà N2 đều do bà M (M1) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chu toàn mọi mặt, kể cả lúc bà N2 ốm đau và mất năng lực. Mặt khác, tại biên bản ngày 28/12/2018 cũng xác nhận bà N2 chung sống với bà M (M1) và do bà M (M1) chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, qua đó cho thấy bà M (M1) đủ điều kiện để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N2.

Căn cứ Điều 49 Bộ luật dân sự về Điều kiện của cá nhân làm người giám hội, bà M (M1) có đủ 4 điều kiện được quy định để làm người giám hộ. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Bộ luật dân sự về người giám hộ đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự: *"Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, hoặc một người mất năng lực hành vi dân sự, còn người kia không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con cả là người giám hộ, nếu người con cả không đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con tiếp theo có đủ điều kiện làm người giám hộ là người giám hộ".* Nguyên đơn bà Tạ Thị M (M1) là con cả, đủ điều kiện làm người giám hộ vì vậy, bà M (M1) là người giám hộ đương nhiên của mẹ bà là bà Trần Thị N2. Nên đối với yêu cầu được làm người giám hộ cho bà N2 của bà M (M1) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc Bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khải và bà Thu cho rằng bà M (M1) bị bệnh tiểu đường, bị cắt chân nên không đủ khả năng làm người giám hộ, tuy nhiên tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật dân sự, chỉ ghi nhận về điều kiện có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và căn cứ Điều 19, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Bộ luật dân sự về năng lực hành vi dân sự của cá nhân thì bà Tạ Thị M (M1) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Việc Bà N cho rằng bà M (M1) không đủ điều kiện để làm giám hộ cho bà N2, bà M (M1) và ông C cấu kết chiếm đoạt tài sản của bà N2 nhưng lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, vì từ trước đến nay bà M (M1) luôn là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bà N2.

Đối với ý kiến phản tố của Bà N cũng không có cơ sở, do từ trước đến nay Bà N không chung sống cũng như không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà N2 lúc về già cũng như lúc mất năng lực. Nên đối với ý kiến phản bác không đồng ý để bà M (M1) làm giám hộ của bà N2 và yêu cầu phản tố được trực tiếp giám hộ cho bà N2 là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[4] *Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên - Đại diện VKSND Thành phố Hồ Chí Minh*:

- Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định.

- Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung và hướng xử lý vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*:

Căn cứ giấy chứng minh nhân dân của bà Tạ Thị N thể hiện Bà N sinh năm 1956. Căn cứ theo qui định tại Luật người cao tuổi và điểm đ Điều 12; Điều 14; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4, Điều 26, Điều 37, Điều 38, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điểm a Khoản 1 Điều 92; Điều 96, 97, Điều 210; Điều 269, 273, 277, 278, 280, 281 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 46, 47, 48, 49, 53 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9; Điều 26, 30, 35, 53; và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị M (M1), chỉ định bà Tạ Thị M (M1) là người giám hộ của bà Trần Thị N2.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị N yêu cầu chỉ định bà Tạ Thị N là giám hộ của bà Trần Thị N2.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Tạ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0044204 ngày 10/4/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Tạ Thị M (M1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 09571 ngày 16/3/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

- Thời hạn kháng cáo của các đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tú Oanh